

Huyện K, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 38/2020/TLST-DS ngày 03/03/2020, về việc: Đòi nợ,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn kết cấu thép T;

Trụ sở: Số xxx7, Đường R tháng 10, tổ 2, phường M, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là:

Ông Nguyễn Hải T; chức vụ: Giám đốc.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Số xxx, ngõ 38 đường Đồi C, tổ dân phố B, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp D xxx (Công ty xxx);

Trụ sở: Số 116, Vũ T, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty xxx là:

Ông Nguyễn Đức H; chức vụ: Giám đốc.

2. Bà T Thị Mai, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Số xxx7, Đường R tháng 10, tổ 2, phường M, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T Thị Mai là:

Ông Nguyễn Hải T, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số xxx7, Đường R tháng 10, tổ 2, phường M, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên.

Theo văn bản ủy quyền ngày 17/12/2021.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Kim T còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn kết cấu thép T số tiền hàng là 257,459,942 đồng.

2.2. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến hết tháng 06/2022, ông Nguyễn Kim T có trách nhiệm thanh toán hết số tiền nợ là 257,459,942 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn kết cấu thép T. Hết thời hạn này mà ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì kể từ ngày 01/07/2022, ông Nguyễn Kim T còn phải chịu khoản lãi chậm trả là 10%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Kim T tự nguyện chịu 6.4xxx.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn kết cấu thép T 13.058.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn kết cấu thép T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005109 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng